

Lễ hội Nghinh Ông: Biểu tượng niềm tin biển cả trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam

ISSN: 2734-9195 08:05 29/06/2025

Trong cái nhìn sâu xa, thiên nhiên và tạo hóa đã hiện thân thành cha – mẹ của biển cả: cha là Cá Ông giữa sóng gió, mẹ là Quán Âm – Mẫu Thoải trên bờ.

Tác giả: **Vũ Khôi - Vũ Khang**

Lễ hội Nghinh Ông, hay còn gọi là lễ hội Cá Ông, là một tín ngưỡng dân gian phổ biến tại các tỉnh ven biển miền Trung và Nam Bộ Việt Nam. Lễ hội thường diễn ra tại Quảng Bình, Cần Giờ (Tp.HCM), Phú Quốc, Vũng Tàu, Cà Mau,... để tưởng nhớ “*Nam Hải Đại Tướng Quân*” – danh xưng dân gian để gọi cá voi. Lễ hội Nghinh Ông thể hiện rõ rệt những đặc điểm của tín ngưỡng dân gian – theo cách mà nhà nhân học Mỹ Robert Redfield mô tả: “*phi kinh điển hóa, phi tổ chức giáo hội, nhưng đậm đặc tính thiêng và gắn với đời sống thường nhật.*”

1. Cá Ông (cá voi) – từ thiên nhiên đến biểu tượng tôn thờ linh thiêng

Cá Ông (cá voi) – loài sinh vật khổng lồ xuất hiện giữa đại dương từ bao đời đã được cư dân biển Việt Nam tôn kính như một “*vị thần cứu khổ*”. Dựa vào tư liệu dân gian, thần tích, và nghi lễ chôn cất cá voi tại “*lăng Ông*”, có thể nhận ra:

Cá Ông là thiên nhiên linh hóa: hiện tượng cá voi giúp đỡ ngư dân trong bão tố được người cư dân tôn vinh thành thần.

Sự chuyển hóa từ loài vật tự nhiên sang thần linh cứu khổ là một điển hình của quá trình “*thần hóa*” tự nhiên trong tín ngưỡng sơ khai, như Mircea Eliade đã lý giải: “*Con người khi đối diện với điều vượt khỏi lý giải, thường linh thiêng hóa nó để sinh tồn.*”



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

2. Cấu trúc lễ hội: Hành vi nghi lễ và niềm tin cộng đồng

Lễ hội Nghinh Ông tuy khác biệt chút ít về thời gian và hình thức ở từng vùng nhưng đều xoay quanh hai phần chính: phần lễ trang nghiêm mang tính linh thiêng và phần hội gắn kết cộng đồng. Các nghi thức phản ánh mối quan hệ sâu sắc giữa con người và biển cả, nơi mà niềm tin mang đậm chất sinh tồn – đạo lý – bản sắc văn hóa địa phương.

Phần lễ: Trang nghiêm - linh thiêng

Lễ rước linh vị Nghinh Ông ra biển

Tại Vũng Tàu: Lễ hội Nghinh Ông tại Vũng Tàu diễn ra từ ngày 15-17 tháng 8 Âm lịch tại đình thần Thắng Tam (Bãi Sau), với nghi thức khai nghinh Thủy tướng bắt đầu sáng sớm, đoàn thuyền rước linh vị cá Ông từ Mũi Nghinh Phong trên biển, sau đó rước về và cúng tế trang nghiêm tại Lăng Ông Nam Hải, trước khi chuyển sang phần hội với văn nghệ và trò chơi dân gian.

Tại Cà Mau (Sông Đốc): Lễ hội diễn ra quy mô lớn trong ba ngày (14-16/2 âm lịch), với lễ rước Ông qua nhiều cửa biển. Nghi thức rước tại đây mang tính chất tục hóa – linh hóa đan xen, thường có cả phần “*chuyển linh*” và lễ cúng tế cộng đồng lớn ngay trên thuyền.

Tại Kiên Giang (Hòn Nghệ, Phú Quốc): được tổ chức hàng năm trong các ngày 15 và 16 tháng 8 âm lịch. Do điều kiện địa lý đảo biển, lễ rước thường tổ chức quy mô vừa phải nhưng rất trang trọng, có khi kết hợp thuyền thúng, thuyền câu bản địa. Người dân quan niệm cá Ông linh thiêng cư trú quanh đảo nên lễ “*thỉnh về*” có ý nghĩa cảm tạ và cầu mùa biển yên lành.

Tế lễ tại làng Ông

Ở Quảng Bình (Lệ Thủy, Bố Trạch): Làng Ông thường nằm sát các cửa biển, trong khu dân cư ngư nghiệp cổ truyền. Lễ tế có đầy đủ nghi trượng: cờ, phướn, nhạc tế, hương án, với các bô lão trong làng đảm nhiệm nghi lễ. Nghi thức tế tương tự tế Thành hoàng – gồm lễ cáo yết, chính tế, và tạ lễ.

Ở các địa phương như Vũng Tàu hay Cần Giờ (TP.HCM), các bàn tế được chia làm nhiều tầng, tượng trưng cho ba giới: thiên – địa – nhân. Lễ phẩm đầy đủ, gồm cả đầu heo, bánh tét, hoa quả, hương đăng, và thuyết văn tế rất công phu.

Lễ châu văn, hò bá trạo

Hò bá trạo là nghi thức quan trọng đặc thù tại nhiều nơi miền Trung như Quảng Bình – Quảng Nam – Bình Định, thường do đội ngư dân diễn. Các động tác chèo thuyền mang tính tượng trưng, lời hò là thơ cổ truyền tụng công đức Cá Ông và cầu yên cho ngư dân.

Tại miền Nam, châu văn – múa bóng rối – múa mâm cũng được lồng vào sau phần lễ, nhất là tại Sông Đốc (Cà Mau) hay Vàm Láng (Tiền Giang), phản ánh tính tổng hợp của tín ngưỡng dân gian vùng sông nước.

Phần hội: Gắn kết cộng đồng

Là nơi bộc lộ sự sống động và vui tươi của cộng đồng cư dân biển, phần hội thường diễn ra ngay sau nghi lễ chính, kéo dài từ 1-3 ngày, với nhiều trò chơi dân gian và hoạt động văn hóa đặc thù:

Đua thuyền – kéo co – đi cà kheo – đấu vật được tổ chức ở Vũng Tàu, Quảng Bình, thu hút thanh niên và du khách.

Ẩm thực lễ hội như các món hải sản truyền thống, bánh ít lá gai, bánh tét, cháo cá, canh chua cá khoai... được người dân nấu phục vụ miễn phí cho khách dự hội.

Các buổi biểu diễn dân ca, cải lương, hò khoan, nhất là ở miền Trung, gắn với truyền thống văn nghệ dân gian ngư dân. Tại Cần Giờ (TP.HCM), còn có sự tham gia của các đội múa lân – rồng – hát bội từ các tỉnh lân cận.

Phần hội là dịp để các thế hệ trong làng ngư dân gặp gỡ, củng cố tình làng nghĩa xóm, và duy trì ký ức cộng đồng gắn với biển cả. Đây là biểu hiện cụ thể của chức năng “*cộng sinh tín ngưỡng*” – nơi người với người không chỉ thờ thần mà còn tái định vị mối quan hệ thiêng – đời – xã hội.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

3. Những nét tương đồng về ý nghĩa của lễ hội Nghinh Ông và tinh thần trong Phật giáo

Tâm từ - cứu khổ: Cá Ông được tôn kính vì lòng từ bi cứu người, tương ứng với lý tưởng Bồ tát trong Phật giáo. Trong Kinh Tăng Chi (AN 4.125) dạy: *“Người từ bi thì không sát sinh, không làm hại, và luôn mong cầu sự an lạc cho kẻ khác”*.

Đạo lý tri ân: Việc tổ chức tế lễ, dựng lăng thờ, duy trì lễ hội nhiều đời thể hiện rõ tâm niệm tri ân – báo ân, tương ứng với tinh thần Phật giáo: *“Biết ơn là nền tảng của người chân chính”* (Kinh Tăng Chi AN 2.31).

Không đòi hỏi quyền lực - không hứa ban ân: khác với hình thức cầu tài hay xin xá tội, việc thờ Cá Ông mang tính kính nhớ, giống việc cúng dường chư Phật – không xin, không mặc cả.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

4. So sánh lễ hội Nghinh Ông và các tín ngưỡng biển cả châu Á

Tín ngưỡng thờ thần biển không phải là hiện tượng riêng biệt tại Việt Nam mà có thể thấy trong nhiều nền văn hóa Á Đông và khu vực Nam – Đông Nam Á. Dù khác biệt về hình thức, các tín ngưỡng này đều thể hiện nỗi ám ảnh – biết ơn – khẩn cầu của cư dân sống phụ thuộc vào đại dương. Dưới đây là một số so sánh nổi bật:

Quốc gia	Tín ngưỡng biển cả	Đặc điểm tiêu biểu
Trung Quốc	Thiên Hậu Thánh Mẫu (Mazu)	Nữ thần biển của ngư dân Phúc Kiến, Quảng Đông; biểu tượng mẫu tính cứu khổ, được tôn vinh tại hơn 1.500 ngôi đền ở châu Á.
Nhật Bản	Ryūjin (Long Vương)	Thần biển trong Thần đạo, có cung điện dưới đáy biển (Ryūgū-jō); biểu trưng cho uy quyền, bảo hộ và dòng dõi hoàng tộc.
Indonesia (Bali)	Dewi Danu – Nữ thần nước	Nữ thần của sông hồ – nước nguồn; thờ tại các “đền nước” (Pura Ulun Danu) gắn liền với tín ngưỡng nông – thủy nghiệp.
Việt Nam	Nam Hải Đại Tướng Quân (Cá Ông)	Thần linh hóa từ loài cá voi – vật thể có thật, được chôn cất, thờ phụng trang nghiêm trong “lăng Ông”. Ngoài ra, tại một số nơi còn lập đền thờ Mẫu Thoải, Nam Hải Quán Âm ngay sát bờ biển tương trưng cho lòng từ bi, cứu độ vô điều kiện.

So với các quốc gia khác, Việt Nam có điểm đặc sắc: dù thờ một “*nam thần*” (Cá Ông), nhưng lễ hội còn mang dấu của nữ tính thiêng khi có sự kết hợp uyển chuyển qua việc tôn thờ Mẫu Thoải trong hệ Tứ phủ, đến hình tượng Quán Âm Nam Hải bằng hình thức lập những ngôi đền thờ Mẫu Thoải, tượng Nam Hải Quán Âm ngoài trời hướng mặt về phía biển cả, cho thấy trong tâm thức người Việt, thần biển không chỉ mang uy quyền, mà còn mang từ bi, nuôi dưỡng, che chở.

Trong khi đó:

Mazu (Trung Quốc) là biểu tượng hình ảnh người nữ, người mẹ cứu khổ cho ngư dân.

Dewi Danu đại diện cho nước – sự sinh sôi – và được thờ phụng ở những nơi điều phối thủy lợi.

Ryūjin mang tính phụ hệ mạnh mẽ hơn, đại diện cho trật tự vũ trụ trong Thần đạo.

Điểm nổi bật khác nữa của lễ hội Nghinh Ông là thần linh được hình thành từ thực thể có thật – cá voi, chứ không phải từ huyền thoại hay sáng tạo biểu tượng. Việc chôn cất, lập lăng, thờ phụng cá Ông như một nhân thần cho thấy rõ tính “*nhân hóa*” của thiên nhiên – một dạng tín ngưỡng rất Việt Nam, vừa gần gũi, vừa thiêng liêng.

Đây là điểm khác biệt so với Thiên Hậu (hình tượng hóa), Long Vương (thần thoại), hay Dewi Danu (thần nông thủy): Nghinh Ông không thờ “*biểu tượng tưởng tượng*”, mà thờ “*hiện tượng được linh thiêng hóa*”.

So sánh này không chỉ cho thấy lễ hội Nghinh Ông là một phần của “*vòng tròn tín ngưỡng biển châu Á*”, mà còn giúp xác định bản sắc riêng của Việt Nam: Sự giao thoa giữa vật linh – nhân linh – từ bi Phật giáo – mẫu tính dân gian. Nhìn từ đó, lễ hội Nghinh Ông không chỉ là một truyền thống văn hóa, mà là một nơi thiên nhiên – con người – thần thánh cùng hòa quyện trong lòng cộng đồng.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

5. Mở rộng góc nhìn – kết tinh tâm linh từ cha mẹ biển trời

Lễ hội Nghinh Ông – một biểu tượng sống động của tín ngưỡng biển cả Việt Nam – không chỉ là lời tri ân của ngư dân đối với biển khơi, mà còn là điểm giao thoa đặc biệt giữa tín ngưỡng bản địa thờ linh vật và hệ thống tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu, và tín ngưỡng thờ Nam Hải Quán Âm Bồ tát.

Trong hình tượng Cá Ông – Nam Hải Đại Tướng Quân, ta thấy dấu vết của tín ngưỡng bản địa linh vật hóa tự nhiên, nơi thiên nhiên không bị thần thoại hóa quá xa rời thực tại, mà được linh thiêng hóa từ chính những gì gần gũi nhất: một loài cá voi từng cứu thuyền, từng vớt người. Nhưng đồng thời, trong lễ rước, trong lời khấn, trong cách gọi Cá Ông là “*Đại Tướng Quân*”, trong các nghi thức múa bóng rối, châu văn, hay cả vai trò của phụ nữ nơi miếu thờ – ta thấy rõ sự hiện diện dịu dàng nhưng vững chắc của Mẫu Thoải – Mẫu Thiên – Quán Âm Nam Hải, những mẫu tính linh thiêng đã bén rễ sâu trong tâm thức dân gian Việt.

Lễ hội Nghinh Ông, vì vậy, không chỉ là nơi thần Cá Ông “*cưỡi sóng trở về*”, mà còn là nơi cha và mẹ thiêng liêng cùng hiện diện: cha là Cá Ông ngoài khơi vẫy vùng bảo hộ, mẹ là Mẫu trên bờ lặng lẽ giữ lửa – tất cả cùng nâng đỡ đứa con ngư dân nhỏ bé đi qua mùa biển dữ. Trong mối tương quan đó, lễ hội trở thành một cấu trúc tín ngưỡng tổng hợp – nơi tín ngưỡng bản địa – tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu không loại trừ nhau, mà lặng lẽ quyện vào nhau, để gìn giữ sự sống, đạo lý và niềm tin nơi cộng đồng dân biển.

Cá Ông – Nam Hải Đại Tướng Quân, hiện thân của cá voi khổng lồ giữa đại dương, được tôn kính như người cha vĩ đại – âm thầm nâng thuyền vượt giông tố, chở che từng mạng sống nhỏ bé giữa trùng khơi. Hình ảnh ấy, dưới ánh sáng Phật học, gần gũi với lý tưởng Bồ tát hạnh: đại từ, đại bi, hiện thân giữa đời để cứu độ, không chọn lựa, phân biệt ai.

Trên bờ, trong làn khói hương nghi ngút, dân làng ngưỡng vọng về Mẫu Thoải – Mẫu Thiên – Quán Âm Nam Hải, những nữ thần nước và Bồ tát đại bi – như hình ảnh người mẹ hậu phương. Người mẹ ấy không lênh đênh trên biển, mà lặng lẽ giữ lửa, chăm sóc miếu thờ, khấn nguyện cho từng chuyến ra khơi. Mẹ là điểm tựa của niềm tin, là linh hồn của lễ hội, là người gìn giữ mạch yêu thương, ươm mầm cho sự sống bao đời.

Trong cái nhìn sâu xa, thiên nhiên và tạo hóa đã hiện thân thành cha – mẹ của biển cả: cha là Cá Ông giữa sóng gió, mẹ là Quán Âm – Mẫu Thoải trên bờ. Một người vẫy vùng biển khơi, một người làm điểm tựa tâm linh, tạo nên mối liên quan chặt chẽ cha mẹ thiên nhiên đang bao bọc, chở che, ôm ấp những đứa con giữa cuộc đời khắc nghiệt nơi biển cả. Và con người – những đứa con nhỏ bé ra khơi mưu sinh – thờ cha mẹ ấy bằng tất cả lòng kính ngưỡng, tri ân.

Trong thời đại hôm nay, khi tài nguyên biển bị khai thác cạn kiệt, khi hệ sinh thái, môi trường mất cân bằng, lễ hội Nghinh Ông không còn là một nghi thức tín ngưỡng đơn thuần. Nó là một lời nguyện tập thể: hãy sống biết ơn thiên nhiên như biết ơn cha mẹ, hãy từ bi với môi trường như từ bi với chính mình.

Bởi thiên nhiên chưa từng bạc đãi con người – chính con người cần học lại cách tri ân, bảo vệ, giữ gìn sự trong lành của thiên nhiên tạo hóa ban tặng.

Tác giả: **Vũ Khôi - Vũ Khang**

Tài liệu tham khảo:

1. UNESCO Việt Nam. "Lễ hội Nghinh Ông Cần Giờ – Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia".
2. Nguyễn Văn Huy (2020), Tín ngưỡng dân gian Việt Nam, NXB KHXH.
3. Kinh Tăng Chi Bộ (Aṅguttara Nikāya), AN 2.32, bản dịch HT.Thích Minh Châu.